

QUYẾT ĐỊNH

Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp cấp phép, kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam;

Xét hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam giữa Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm Khoa học Nga và Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tại Công hàm số 3027 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Đại sứ quán Liên bang Nga tại Việt Nam và Công văn số 2972/VHL-HTQT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương thuộc Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hải dương học) được tiến hành nghiên cứu khoa học trong nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam.

a) Mục tiêu của hoạt động nghiên cứu:

- Mục tiêu chính của nhiệm vụ là bổ sung, cập nhật dữ liệu về đa dạng sinh học, tiềm năng tái tạo nguồn lợi, duy trì nguồn giống thủy sản; thu thập mẫu vật phục

vụ nghiên cứu hóa sinh, vi sinh, tìm kiếm các hoạt chất sinh học, đánh giá chất lượng môi trường tập trung ở vùng biển sâu, bãi ngầm và các đảo xa bờ.

- Tăng cường hợp tác toàn diện với đối tác Liên bang Nga; đặc biệt là các Viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành thuộc Phân viện Viễn Đông - Viện Hàn lâm Khoa học Nga - nhằm phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo cán bộ nghiên cứu về biển cho Việt Nam.

b) Nội dung chính của hoạt động nghiên cứu: Khảo sát thu mẫu nghiên cứu đa dạng sinh học, hóa sinh, ô nhiễm môi trường và các hợp chất tích lũy khó phân hủy.

- Nhóm đa dạng sinh học:

+ Đa dạng loài trên vùng bãi ngầm, rạn san hô, gồm các nhóm: Động vật Thân mềm; Động vật Giáp xác; Động vật Da gai; San hô cứng; San hô mềm; Hải miên; Cá rạn san hô; Thực vật biển, Tuyến trùng;

+ Thu mẫu nguồn giống (ấu trùng, con non) đánh giá hiện trạng và khả năng bổ sung quần đàn, phát tán đi các vùng lân cận;

+ Đánh giá hiện trạng rạn san hô: san hô và các hợp phân đáy, cá rạn san hô, Động vật không xương sống kích thước lớn trên rạn san hô;

+ Đa dạng loài ở một số vùng biển sâu: Các nhóm sinh vật đáy vùng nước sâu được thu mẫu bao gồm: Giun nhiều tơ, Da gai, động vật thân mềm và Giáp xác...

- Nhóm hóa sinh biển: Thu mẫu một số loài sinh vật biển thuộc ngành Da gai, Hải miên, San hô mềm để phân lập các chủng vi sinh vật biển.

- Nhóm viễn thám: Thu thập và chuẩn hóa dữ liệu đo đạc chất lượng môi trường nước SPM, Chlorophyll-a và phổ phản xạ của mặt nước sử dụng thiết bị đo siêu phổ TriOS.

- Nhóm tích lũy ô nhiễm môi trường: Thu mẫu trầm tích, sinh vật (Thân mềm hai mảnh vỏ) nhằm đánh giá hàm lượng của một số hợp chất hữu cơ khó phân hủy và khả năng tích lũy vi nhựa.

c) Vị trí, tọa độ khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu:

Tại vùng biển thuộc các tỉnh: Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị (*Chi tiết vị trí, tọa độ các điểm khảo sát đo đạc lấy mẫu tại Phụ lục 03*);

d) Phương pháp nghiên cứu; phương tiện, thiết bị nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu: Thu mẫu bằng thiết bị chuyên dụng được lắp đặt trên tàu; Thu bằng lưới cào đáy được lắp đặt trên tàu; Phương pháp lặn với thiết bị Scuba, kết hợp với quay phim, chụp ảnh.

- Phương tiện nghiên cứu: Tàu AKADEMIK OPARIN (Viện sỹ Oparin), quốc

tịch: Liên bang Nga, Số đăng ký (IMO/Lloyds No.): 8412376 - MMSI: 273438800.

(Thông tin chi tiết của tàu kèm theo hồ sơ xin cấp phép).

- Thiết bị nghiên cứu: Lưới thu mẫu sinh vật phù du; Lưới kéo đáy chuyên dụng được lắp đặt trên tàu; Thiết bị lặn Scuba; Các thiết bị định vị vệ tinh; Ca nô chuyên dụng; Cuốc đáy Petersen.

đ) Lịch trình nghiên cứu:

- Ngày 27/4 đến ngày 1/5/2025 khảo sát thu mẫu tại vịnh Nha Trang và vịnh Vân Phong.

- Ngày 2/5 đến ngày 8/5/2025 khảo sát thu mẫu tại vùng biển Phú Yên và Bình Định.

- Ngày 9/5 đến ngày 10/5/2025 khảo sát thu mẫu tại vùng biển Quảng Ngãi.

- Ngày 11/5 đến ngày 16/5/2025 khảo sát thu mẫu tại vùng biển Quảng Nam và Đà Nẵng.

- Ngày 17/5 đến ngày 19/5/2025 khảo sát thu mẫu tại vùng biển Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị.

- Ngày 20/5/2025 - 23/5/2025 khảo sát thu mẫu tại các điểm CL1 - LC5.

- Ngày 24/5/2025 - 25/5/2025 khảo sát thu mẫu tại các điểm LC6 - LC12.

(Sơ đồ, tọa độ chi tiết vị trí khảo sát kèm theo tại Phụ lục 01 đến Phụ lục 03).

e) Các cảng đến và đi:

- Cảng đến: Cảng Nha Trang.

- Cảng đi: Cảng Nha Trang.

g) Tên, quốc tịch của các thành viên, nhà khoa học nước ngoài; tên của các thành viên, nhà khoa học Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu:

Tổng số: 40 người, trong đó:

- Số các thành viên, nhà khoa học nước ngoài tham gia: 21 người;

- Số thành viên, nhà khoa học Việt Nam: 20 người (bao gồm 01 nhà khoa học của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 41/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

Phụ lục 04: Danh sách các cán bộ khoa học phía Việt Nam tham gia hoạt động nghiên cứu.

Phụ lục 05: Danh sách thủy thủ đoàn và các nhà khoa học nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu.

h) Thời hạn nghiên cứu: Từ ngày 24 tháng 4 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025.

Điều 2. Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương - Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hải dương học) có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các nội dung trong Hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

b) Tuân thủ đúng các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

c) Tuân thủ đúng quy định về công bố và chuyển giao thông tin, kết quả nghiên cứu khoa học theo quy định tại Điều 21 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

d) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam trong quá trình tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam.

đ) Có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan: Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam về vị trí tọa độ, lịch trình, thời gian, kế hoạch hoạt động cụ thể, tần số liên lạc, hô hiệu của Tàu nghiên cứu “AKADEMIK OPARIN” hoạt động trong các vùng biển Việt Nam để các cơ quan, đơn vị biết, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

e) Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và khai báo y tế theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế và địa phương.

g) Thuyền trưởng của tàu chịu trách nhiệm về an ninh, an toàn hàng hải theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam và các yêu cầu về an toàn dầu khí quy định tại Luật Dầu khí.

h) Tuân thủ đúng địa điểm, vị trí tọa độ, lịch trình, thời gian của chuyến khảo sát theo đúng sơ đồ cấp phép và không được sử dụng vật liệu nổ, hóa chất độc để nghiên cứu.

i) Tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh của Việt Nam; không được đi qua và hoạt động trong khu vực cảng, vùng nước trước cầu cảng quân sự, công trình chiến đấu phòng thủ hiện hữu, công trình quốc phòng, các khu vực huấn luyện, diễn tập quân sự và các khu vực dành cho quân sự.

k) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hải dương học) chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam. Chỉ tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học vì mục đích hòa bình; không tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động nghiên cứu khoa học theo nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Viện Hóa sinh Hữu cơ Thái Bình Dương - Phân viện Viễn Đông) và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Viện Hải dương học), Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (Bộ Quốc phòng) và UBND các tỉnh có vị trí nghiên cứu, khảo sát chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Công an, KH&CN, GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- ĐSQ Liên bang Nga tại Việt Nam;
- Các Vụ: HTQT, KHCN (Bộ TN&MT);
- Lưu: VT, BHDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

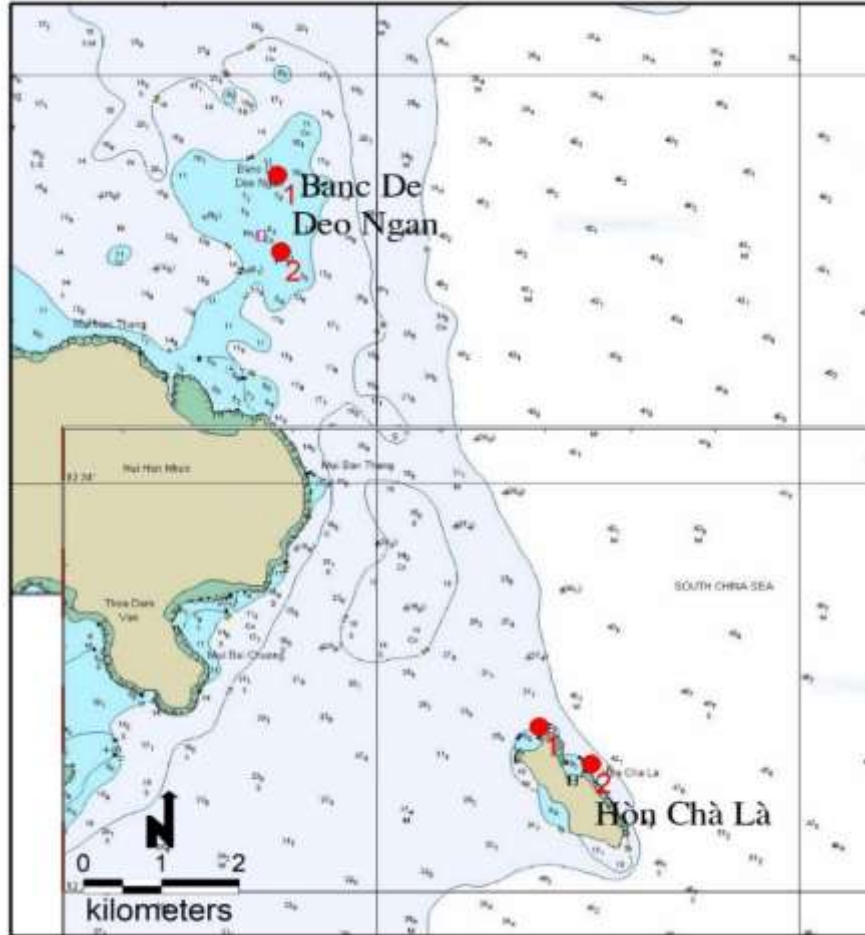
Lê Minh Ngân

Phụ lục 01: Vị trí khảo sát đo đạc lấy mẫu dự kiến
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 02 năm 2025
 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học
 trong vùng biển Việt Nam)

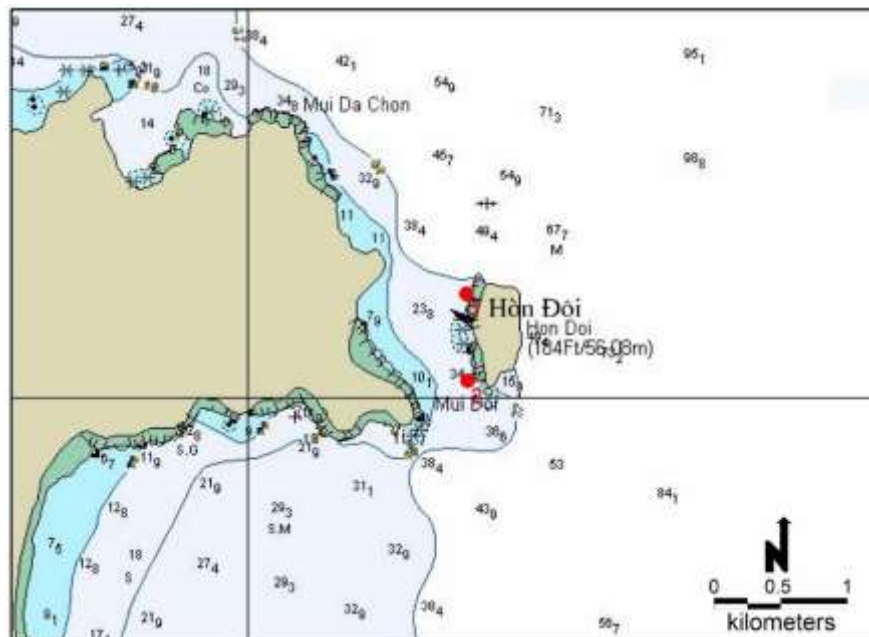


Phụ lục 02: Sơ đồ chi tiết các điểm lặn khảo sát
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 02 năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam)

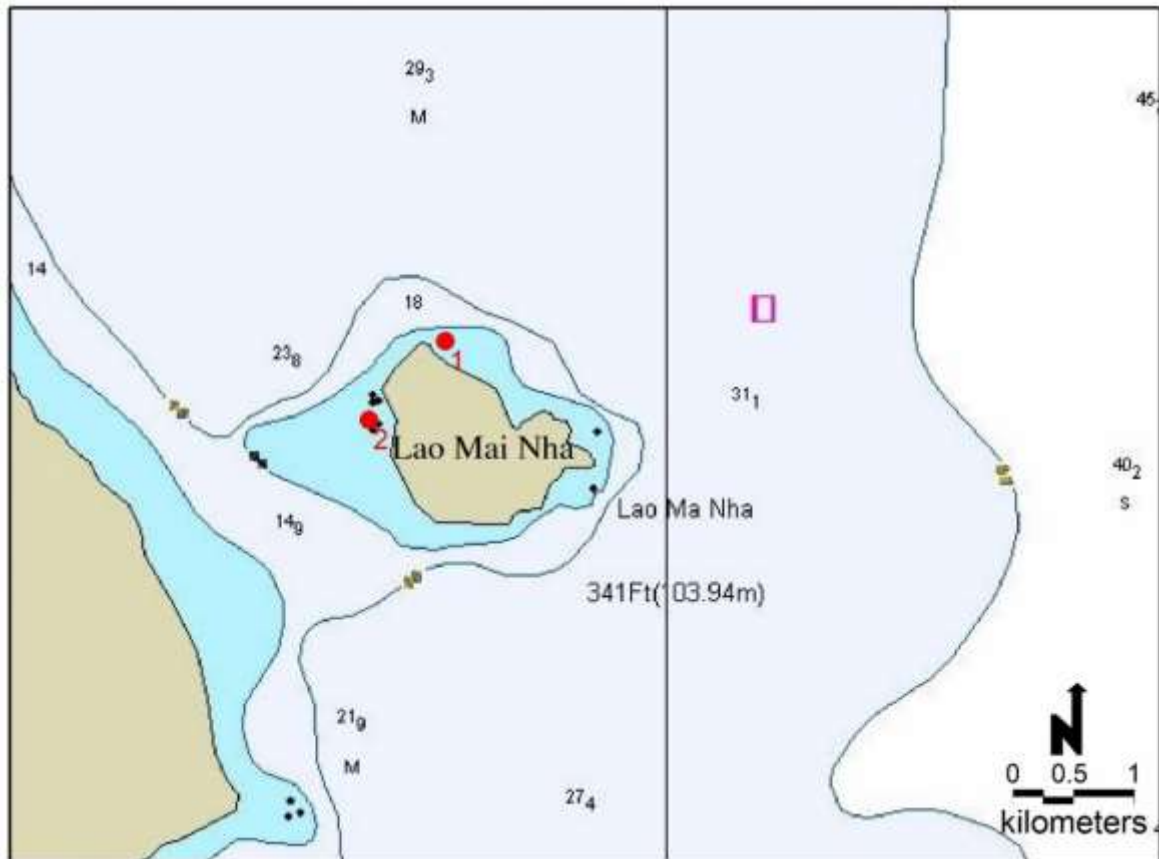
KV1: Bãi cạn De Deo Ngan, Hòn Chà Là (Khánh Hòa)



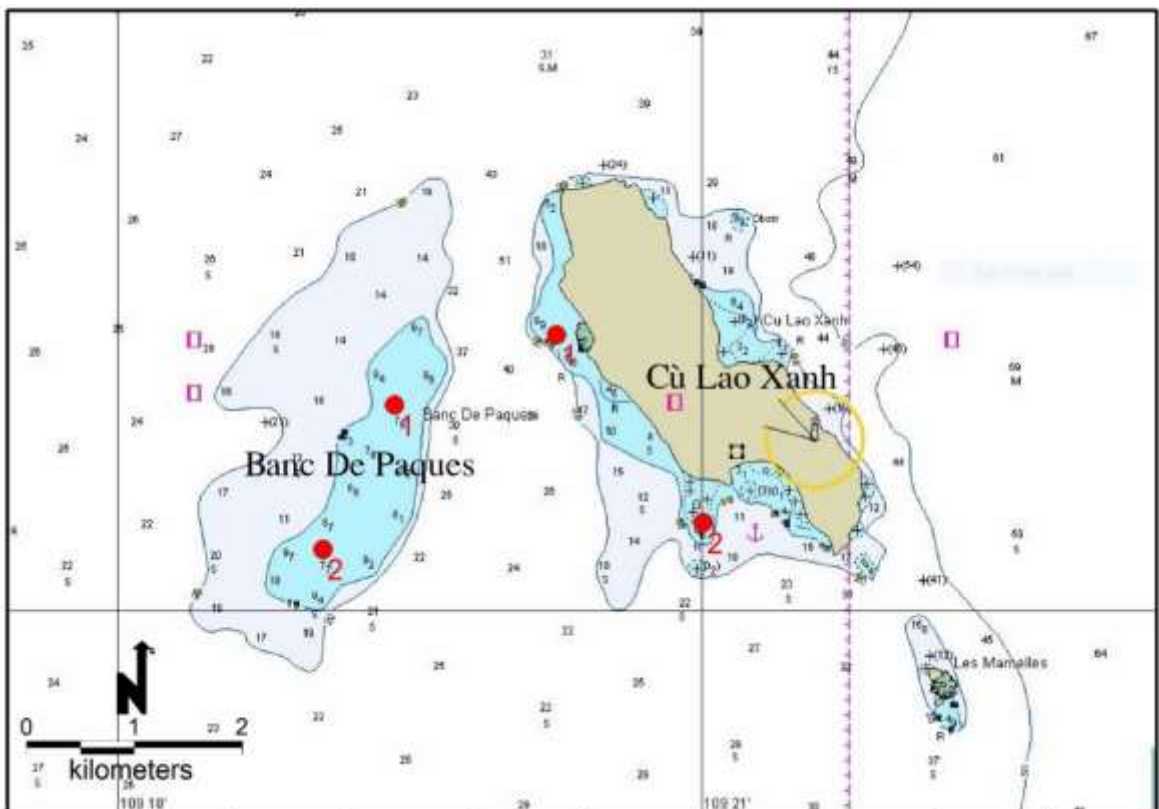
KV2: Vịnh Vân Phong (Khánh Hòa)

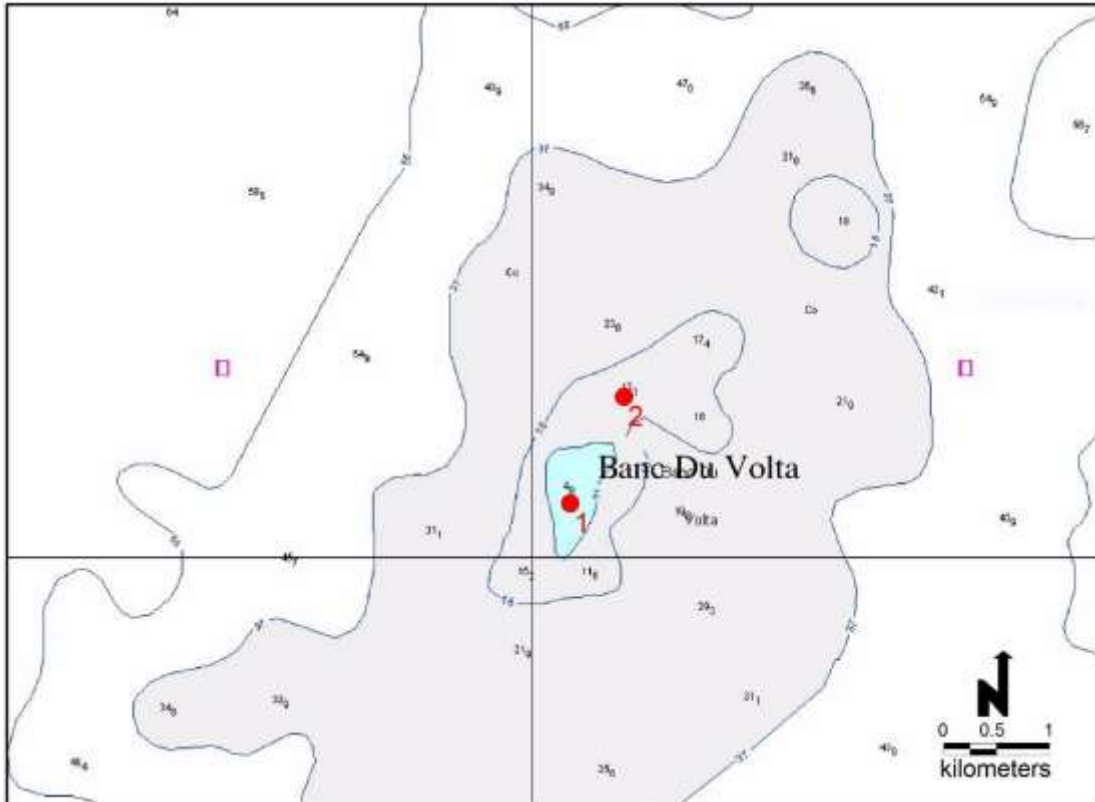
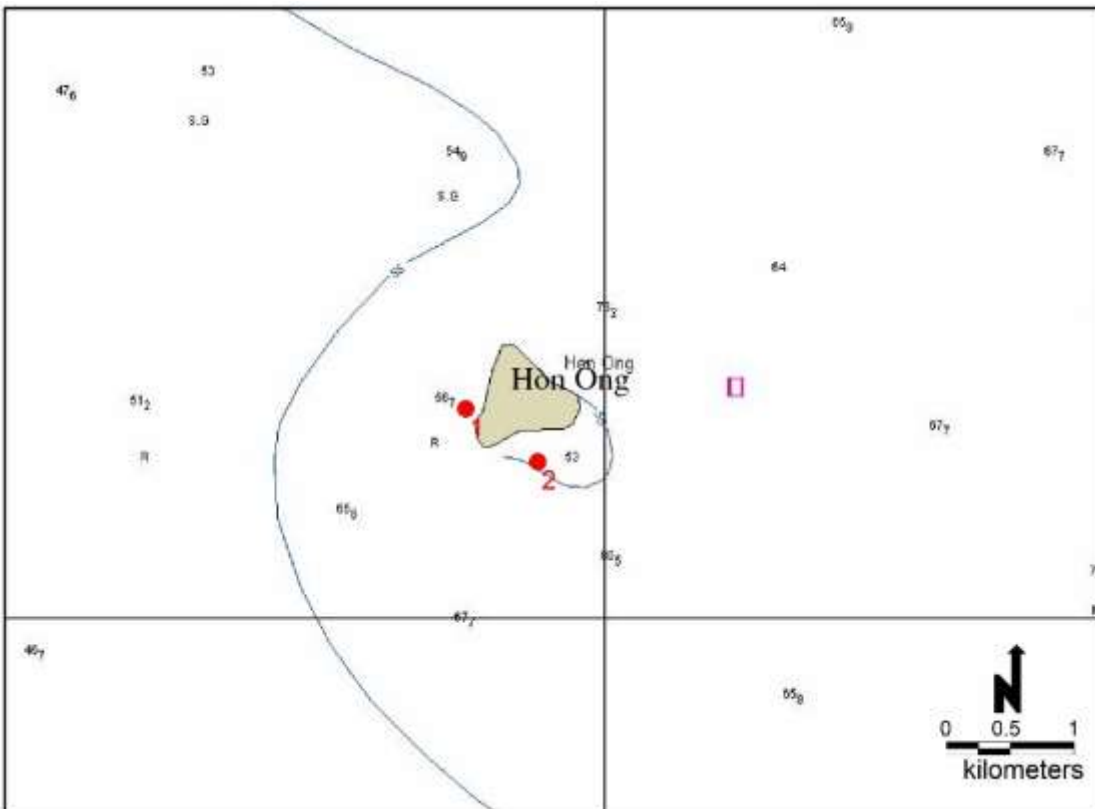


KV3: Cù lao Mái Nhà (Phú Yên)

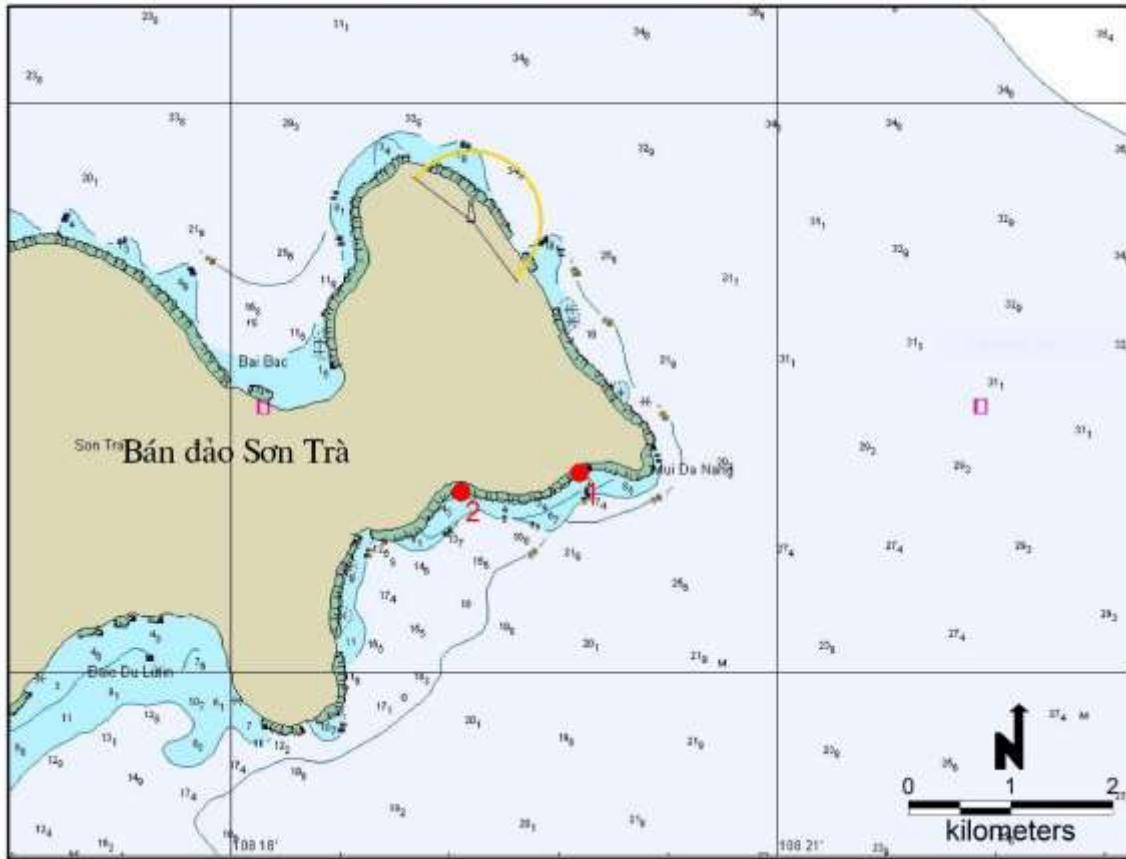


KV4 : Cù Lao Xanh và bãi cạn De Paques (Bình Định)

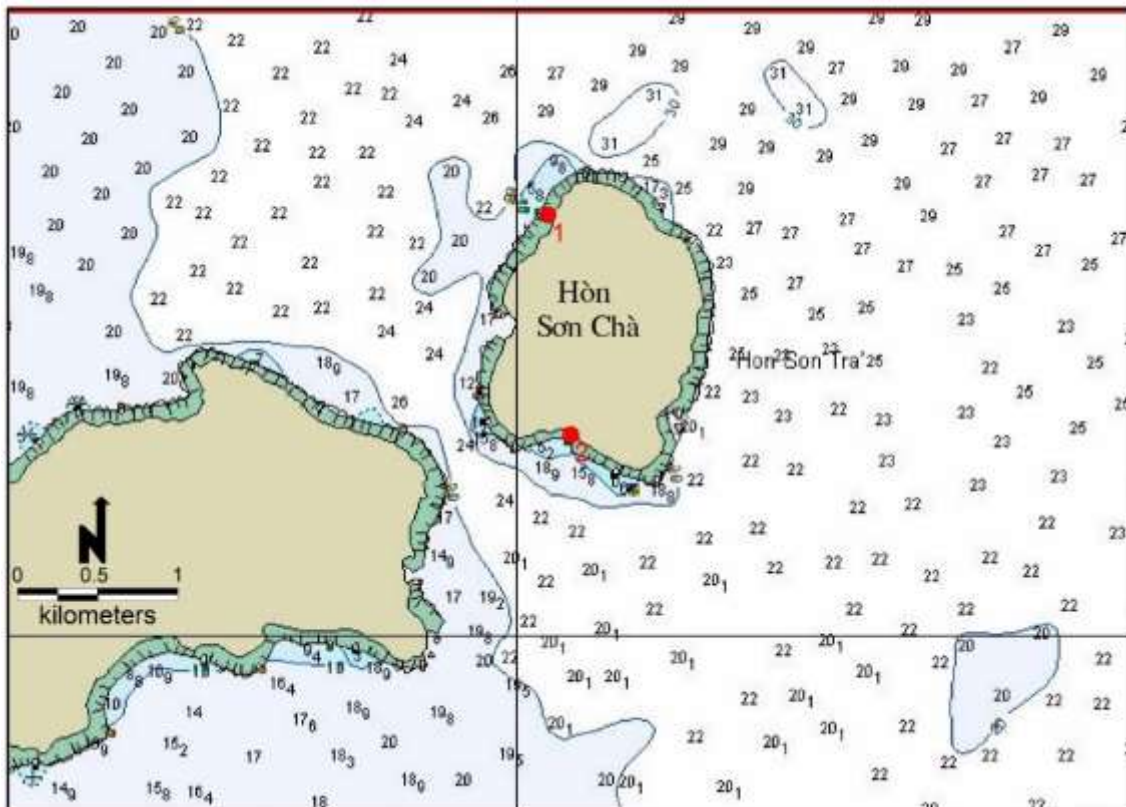


KV5: Bãi cạn Du Volta (Quảng Ngãi)**KV6: Hòn Ông – Quảng Nam**

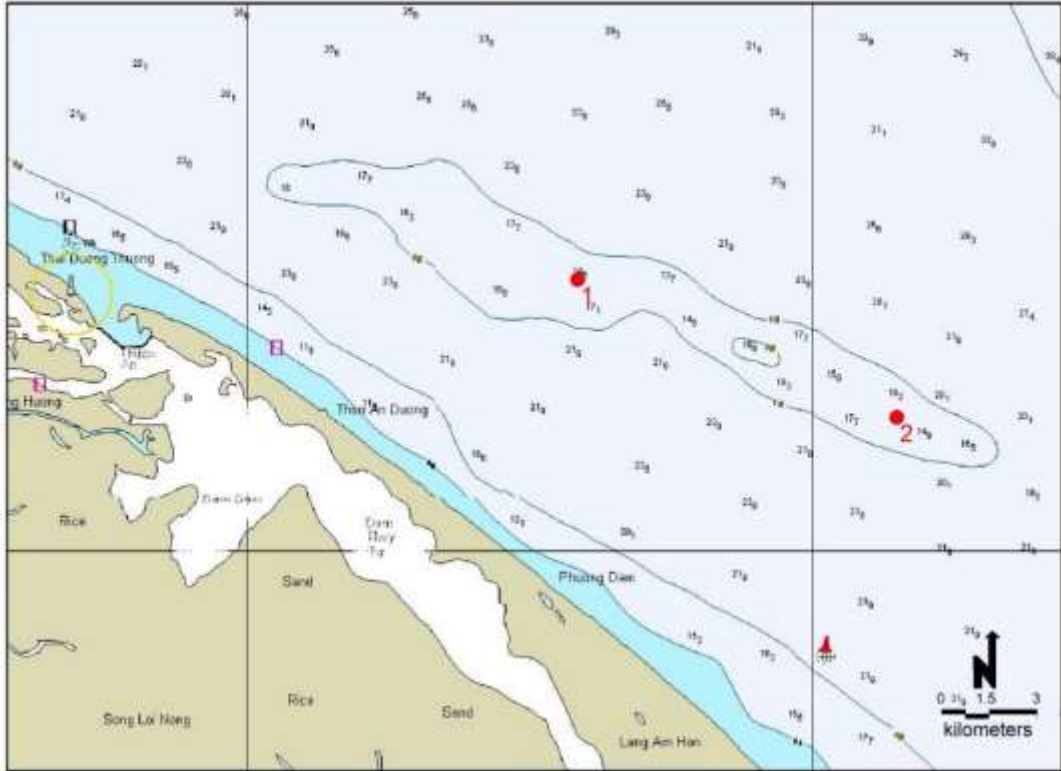
KV7: Bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng)



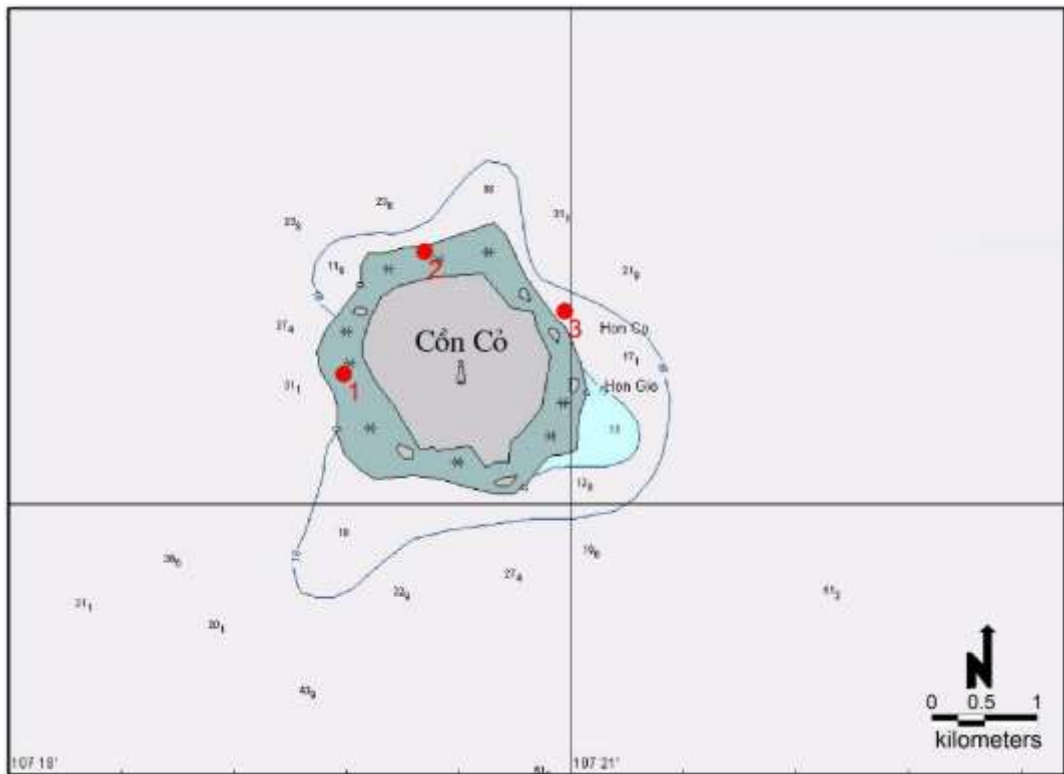
KV8: Hòn Sơn Chà (Huế)



KV9: Bãi cạn trước cửa Thuận An (Huế)



KV10: Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)



Phụ lục 03. Địa điểm, vị trí tọa độ các điểm khảo sát dự kiến

(Kinh độ, vĩ độ theo chuẩn quốc tế WGS84)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam)

A. Vị trí các khu vực dự kiến lặn khảo sát thu mẫu tại các bãi ngầm

TT	Kí hiệu	Khu vực	Tên bãi cạn	Kinh độ (°)	Vĩ độ (°)	Độ sâu (m)
1	KV1	Bắc vịnh Nha Trang	Hòn Chà Là 1	109.36945°	12.36935°	8,5
2			Hòn Chà Là 2	109.37447°	12.36515°	10
3			<i>Bãi Cạn De Deo Ngan 1</i>	109.33756°	12.43563°	8,5
4			<i>Bãi Cạn De Deo Ngan 2</i>	109.33802°	12.42666°	7
5	KV2	Vịnh Vân Phong	Hòn Đồi 1	109.46516°	12.65701°	8,5
6			Hòn Đồi 2	109.46525°	12.65115°	10
7	KV3	Phú Yên	Cù Lao Mái Nhà 1	109.33313°	13.28881°	8
8			Cù Lao Mái Nhà 2	109.32616°	13.28310°	6
9	KV4	Bình Định	Cù Lao Xanh 1	109.33762°	13.62292°	8
10			Cù Lao Xanh 2	109.35017°	13.60728°	5,5
11			<i>Bãi Cạn De Paques 1</i>	109.32374°	13.61709°	8,5
12			<i>Bãi Cạn De Paques 2</i>	109.31762°	13.60506°	8,5
13	KV5	Quảng Ngãi	<i>Bãi Cạn Du Volta 1</i>	109.00332°	15.50453°	6
14			<i>Bãi Cạn Du Volta 2</i>	109.00806°	15.51361°	13,5
15	KV6	Quảng Nam	Hòn Ông 1	108.68988°	15.81473°	7
16			Hòn Ông 2	108.69515°	15.81100°	8
17	KV7	Đà Nẵng	Mũi Nghê	108.33194°	16.11750°	7,5
18			Vũng Đá	108.32111°	16.11583°	8
19	KV8	Hòn Sơn Chà - Huế	Sơn Chà 1	108.20193°	16.22361°	3
20			Sơn Chà 2	108.20326°	16.21127°	3
21	KV9	Cửa Thuận An - Huế	<i>Bãi cạn Thuận An 1</i>	107.76408°	16.57659°	15
22			<i>Bãi cạn Thuận An 2</i>	107.85821°	16.53762°	16,5
23	KV10	Quảng Trị	Cồn Cỏ 1	107.33022°	17.16109°	8-10
24			Cồn Cỏ 2	107.33806°	17.16711°	10
25			Cồn Cỏ 3	107.34631°	17.16456°	6,6

B. Các khu vực dự kiến cào đáy

TT	Kí hiệu trạm	Kinh độ (°)	Vĩ độ (°)	Độ sâu (m)
1	LC1	107.7024°	17.10640°	50-55
2	LC2	108.2818°	17.07207°	55-60
3	LC3	108.7975°	16.34329°	95-100
4	LC4	109.0276°	15.98683°	105-110
5	LC5	109.2686°	15.62508°	120-125
6	LC6	109.3173°	15.38479°	55-60
7	LC7	109.4066°	14.98608°	125-130
8	LC8	109.5136°	13.94044°	145-150
9	LC9	109.5366°	13.64999°	160-170
10	LC10	109.5577°	13.36393°	145-150
11	LC11	109.6555°	12.68691°	160-165
12	LC12	109.6557°	12.47496°	150-155

**Phụ lục 04. Danh sách các cán bộ khoa học phía Việt Nam
tham gia chuyên khảo sát nghiên cứu trên tàu Oparin**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 02 năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam)

TT	Họ và tên	Số CMND	Năm sinh	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Phi Uy Vũ	056074005462	1974	Viện Hải dương học
2	Mai Xuân Đạt	183666911	1988	Viện Hải dương học
3	Thái Minh Quang	225397878	1989	Viện Hải dương học
4	Nguyễn Trung Hiếu	225405511	1989	Viện Hải dương học
5	Võ Trần Tuấn Linh	056084007698	1984	Viện Hải dương học
6	Nguyễn Trương Tấn Tài	056095006295	1995	Viện Hải dương học
7	Trần Công Thịnh	049087017767	1987	Viện Hải dương học
8	Nguyễn Văn Minh	031095003306	1995	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
9	Đỗ Đình Thịnh	038087042933	1987	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
10	Đình Long Nhân	022083001487	1983	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
11	Trần Mạnh Hà	035079001719	1979	Viện Tài nguyên và Môi trường biển
12	Tạ Thanh Giang	001098025128	1998	Trung tâm nghiên cứu và chuyên gia công nghệ
13	Huỳnh Đức Long	049077013361	1977	Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường
14	Vũ Thị Quyên	030183012426	1983	Viện Hóa sinh biển
15	Bùi Quang Huy	001085006975	1985	Viện Công nghệ vũ trụ
16	Hoàng Hải	017087001188	1987	Viện Công nghệ vũ trụ
17	Chu Quang Truyền	001069018028	1969	Viện Hóa học các hợp chất Thiên nhiên
18	Đình Thành Trung	056089006576	1989	Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Nha Trang
19	Nhà khoa học được cử theo Công văn số 364/BQP-TM ngày 22/01/2025 của Bộ Quốc phòng			

**Phụ lục 05. Danh sách dự kiến các cán bộ khoa học phía Nga
tham gia chuyến khảo sát nghiên cứu trên tàu Oparin**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 02 năm 2025
của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép nghiên cứu khoa học
trong vùng biển Việt Nam)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc tịch	Số hộ chiếu	Thời hạn	Chức vụ
1	Malyarenko Timofey	25.07.1988	Russian	Passport is in process	05.02.2031	Head of expedition
2	Valeriy Petrov	08.05.1952	Russian	72 8912576	03.06.2024	Deputy Head
3	Aleksandra Kvetkina	05.01.1991	Russian	76 5245883	13.08.2031	Deputy Head
4	Shepetova Natalia	23.03.1951	Russian	77 0739183	06.07.2033	Scientific Secretary
5	Anna Klimovich	21.08.1991	Russian	76 8223864	26.07.2032	Researcher
6	Anastasiia Kozhushnaia	15.08.1999	Russian	73 6977666	24.12.2024	Researcher
7	Valerii Surits	26.01.1995	Russian	76 7397637	26.04.2032	Researcher
8	Viktor Zakharenko	04.03.1999	Russian	76 9650085	13.12.2032	Researcher
9	Ekaterina Menchinskaya	16.06.1989	Russian	76 6547364	09.02.2032	Researcher
10	Roman Davydiuk	16.05.1979	Russian	66 6675475	06.03.2028	Diver
11	Viktor Tiulkin	25.04.1982	Russian	75 5962476	12.09.2027	Diver
12	Alexandr Lysenko	07.06.1975	Russian	76 3608285	06.11.2030	Diver
14	Dmitrii Denisenko	04.05.1973	Russian	76 3337079	24.08.2030	Researcher
15	Vladimir Shilov	22.08.1960	Russian	75 4208682	30.01.2027	Researcher
16	Marina Malyutina	25.01.1961	Russian	72 7476297	03.02.2024	Researcher
17	Olga Chichvarkhina	04.02.1980	Russian	76 8726632	19.09.2032	Researcher
18	Mikhail Silakov	26.05.1979	Russian	75 3454727	18.07.2026	Researcher
19	Elena Chudinovskikh	27.03.1982	Russian	76 3411951	11.09.2030	Researcher
20	Viktor Melnikov	01.01.1956	Russian	75 4449545	11.03.2025	Researcher
21	Kseniia Borisova	16.08.1987	Russian	72 8137937	27.03.2024	Researcher